

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06-02-2018
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Xuân Thanh;

Ông Trần Hùng Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Danh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Ngọc B, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Tây Ninh. có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp X1, xã Y1, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21-11-2017 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Bùi Ngọc B trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành T tự nguyện chung sống từ năm 2015, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Y1, huyện Bến Cầu cấp giấy chứng nhận kết hôn cùng năm. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì anh T bắt đầu thay đổi tính tình, thường xuyên uống rượu đánh đập chị và đập phá đồ đạc trong gia đình từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ngoài ra, anh T có lần dùng chân đá vào đầu gây chấn thương phải nhập viện điều trị. Vợ chồng ly thân từ tháng 12-2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

- Về con chung: Chị và anh T có một con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 16-12-2016, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị cam kết vợ chồng không có nợ ai.

Bị đơn anh Nguyễn Thành T đã khai: Về hôn nhân đúng như lời chị Bùi Ngọc B khai nhận. Anh và chị B tự nguyện chung sống vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn cùng năm. Vợ chồng chung sống được thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong cuộc sống hằng ngày, từ ít rồi dần đến nhiều, vợ chồng thường xuyên gây gổ. Anh thừa nhận trong lúc gây gổ có dùng chân đá vào trán chị B dẫn đến nằm viện điều trị. Vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng anh thỉnh thoảng đi làm ăn xa 02 – 03 ngày mới về nhà một lần. Anh thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng là không lớn, có thể hoà giải hàn gắn được nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B, yêu cầu được hoà giải đoàn tụ.

- Về con chung: Anh và chị B có một con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 16-12-2016, hiện đang sống với vợ chồng. Anh không chấp nhận yêu cầu ly hôn nhưng nếu yêu cầu của chị B được chấp nhận thì anh đồng ý giao cháu N cho chị B nuôi, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh và chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Anh cam kết vợ chồng không có nợ ai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định tố tụng. **Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.** Bị đơn vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo qui định pháp luật.

Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Chị Bùi Ngọc B và anh Nguyễn Thành T kết hôn và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống giữa chị B và anh T xảy ra bất đồng về quan điểm sống, ngày 16-11-2017 anh T đánh chị B dẫn đến nằm viện. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng qua quá trình Tòa án hòa giải đoàn tụ anh T không đến làm việc, hòa giải chứng tỏ anh T không có thiện chí để hòa giải hàn gắn. Về yêu cầu được nuôi con chung của chị B thì thấy rằng chị B chăm sóc con tốt, đảm bảo về quyền lợi mọi mặt của con. Về tài sản chung, chị B và anh T không yêu cầu nên không giải quyết. Về nợ chung, chị B và anh T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị B đối với anh T. Về án phí, chị B phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Chị Bùi Ngọc B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết hôn nhân giữa chị B và anh T, anh T có nơi cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu. Anh Nguyễn Thành T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, do đó áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T. Anh T phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo qui định tại các Điều 6, Điều 72 và Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Bùi Ngọc B và anh Nguyễn Thành T sống chung từ năm 2015, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh T xuất phát từ việc bất đồng quan điểm sống từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên gây gổ và anh T còn có hành vi bạo lực gia đình đối với chị B. Do đó xét thấy tình trạng vợ chồng giữa chị B và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh T.

[3]. Về con chung: Chị B và anh T có một con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 16-12-2016 đang sống với chị B từ ngày ly thân đến nay. Chị B yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N và anh T cũng đồng ý giao cháu N cho chị B nuôi dưỡng nếu ly hôn. Xét thấy chị B có đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục cháu N nên việc giao cháu N cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung: Chị B và anh T tự thỏa thuận nên không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Chị B và anh T trình bày không có nên không xem xét.

[6]. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Ngọc B phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Ngọc B đối với anh Nguyễn Thành T. Chị B được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Chị Bùi Ngọc B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 16-12-2016. Ghi nhận

chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Không ai được cản trở anh T thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị B và anh T không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Ngọc B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: **0021127** ngày 22-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh T không phải chịu án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Bùi Ngọc B có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thành T có quyền kháng lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, Th từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại UBND cấp xã nơi anh T cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Y1 (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trang Thái Châu